

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Công văn số 790/SKHĐT-THQHPC ngày 21/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Thực hiện Kế hoạch số 157/KH-HĐND ngày 16/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc tổ chức kỳ họp thứ 17 HĐND huyện Thanh Trì khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 với nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững, hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội. Xã hội hóa hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ổn định và giữ vững quốc phòng - an ninh, nhất là an ninh nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đảm bảo kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ. Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy đủ năng lực lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

2. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GRDP) bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng.

(2) Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 220 triệu đồng (giá hiện hành).

(3) Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3.868 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

(4) Sản lượng lúa bình quân đạt 380.898 tấn/năm (trong đó, lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm từ 82%).

(5) Diện tích màu và cây công nghiệp ngắn ngày 15.000 ha, sản lượng 240.000 tấn.

(6) Tổng đàn gia súc là 102.064 con (trong đó, đàn heo 80.000 con, đàn trâu, bò 22.064 con); đàn gia cầm 4.000.000 con; sản lượng thủy sản 16.000 tấn.

(7) Thành lập mới 05 hợp tác xã, lũy kế 22 hợp tác xã.

(8) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 03 xã, nâng tổng số có 08/08 xã nông thôn mới; 03/08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

(9) Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ở đô thị 90%; ở nông thôn 60%. Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị trên 85%. Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở nông thôn 100%.

(10) Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 700 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

(11) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 5.027,8 tỷ đồng.

(12) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 49 tỷ đồng.

2.2. Về xã hội

(13) Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp: Nhà trẻ 20%, mẫu giáo 95%; cấp tiểu học đạt 99,5%; Trung học cơ sở đạt 98,5%; Trung học phổ thông đạt 75%.

(14) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 94,87% (37/39 trường).

(15) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,85%. Giảm tỷ suất sinh là 0,04‰. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 7%.

(16) Tỷ lệ xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%; đạt 8,10 bác sỹ/10.000 dân; đạt 27,02 giường bệnh/10.000 dân (tính Trạm y tế xã, thị trấn).

(17) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%.

(18) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 99% (trong đó: tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình 90%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc 99,4%).

(19) Giải quyết việc làm mới đến năm 2025 là 10.500 người (trong đó, lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài 100 người).

(20) Dạy nghề (kể cả tư nhân) hàng năm là 2.000 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%.

(21) Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2 - 3%/năm (trong đó: tỷ lệ hộ nghèo Khmer giảm từ 4 - 5%/năm).

2.3. Về môi trường

(22) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt chỉ tiêu về môi trường là 100%.

(23) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 100%;

(24) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 75%.

(25) Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM (2021 - 2025)

- Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là tổ chức lại sản xuất, cơ cấu lại mùa vụ, bố trí lại cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; ứng dụng các công nghệ mới.

- Quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ theo hướng tăng liên kết địa phương, theo 02 trục Quốc lộ, tuyến Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây tỉnh Sóc Trăng (sau khi hình thành).

- Nâng cao vai trò, chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực kinh tế tập thể. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động. Tăng cường công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư nhằm khuyến khích và thu hút các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn lực đầu tư tại chỗ.

- Thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu mới; tăng cường quản lý thu, khai thác nguồn thu. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách chặt chẽ; tiếp tục tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác phòng tránh thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển văn hóa, thể thao, truyền thanh, hoạt động du lịch. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực trong nhân dân và quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong bộ máy chính quyền. Giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính; tăng cường kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính gắn với kiểm tra công vụ; tăng cường công tác thanh tra công vụ. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; kiểm chế, kéo giảm số vụ tai nạn giao thông.

- Lãnh đạo chặt chẽ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp. Thực hiện tốt công tác đối thoại, tiếp dân, hòa giải ở cơ sở. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo - dân tộc; giải quyết kịp thời các vấn đề nhạy cảm, không để phát sinh điểm nóng.

(Đính kèm nội dung toàn văn Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thanh Trì và dự thảo Nghị quyết)

Trên đây là nội dung chủ yếu về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua. /.

*** Nơi nhận:**

- TT. Huyện ủy;
- BT-CT, các PCT;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban, phòng ngành huyện ;
- UBND các xã (TT);
- Lưu VT-NC, TC-KH.



CHỦ TỊCH

Trương Vũ Phương

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thạnh Trị (Kèm theo Tờ trình số 0000/TTr-UBND, ngày 11/12/2020 của UBND huyện Thạnh Trị)

Trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025, huyện tập trung triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp với điều kiện chính trị ổn định; quá trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bước đầu khởi sắc; bộ máy chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn được củng cố, kiện toàn; đoàn kết 3 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa được phát huy; văn hóa - xã hội phát triển, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần nhân dân và xây dựng huyện nông thôn mới.

Bên cạnh thuận lợi có không ít khó khăn, thách thức về biến đổi khí hậu, dịch bệnh trong chăn nuôi, giá cả, thị trường, vị trí địa lý không thuận lợi, gây khó khăn trong quá trình kêu gọi đầu tư. Mặt khác, nguồn lực nội tại của nền kinh tế nông nghiệp địa phương còn yếu, không đảm bảo đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng; dịch Covid-19 còn ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ và đời sống nhân dân.

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững, hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội. Xã hội hóa hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ổn định và giữ vững quốc phòng - an ninh, nhất là an ninh nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đảm bảo kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ. Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy đủ năng lực lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

2. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025

Đến năm 2025, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau:

2.1. Về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GRDP) bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng.

(2) Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 220 triệu đồng (giá hiện hành).

(3) Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3.868 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

(4) Sản lượng lúa bình quân đạt 380.898 tấn/năm (trong đó, lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm từ 82%).

(5) Diện tích màu và cây công nghiệp ngắn ngày 15.000 ha, sản lượng 240.000 tấn.

(6) Tổng đàn gia súc là 102.064 con (trong đó, đàn heo 80.000 con, đàn trâu, bò 22.064 con); đàn gia cầm 4.000.000 con; sản lượng thủy sản 16.000 tấn.

(7) Thành lập mới 05 hợp tác xã, lũy kế 22 hợp tác xã.

(8) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 03 xã, nâng tổng số có 08/08 xã nông thôn mới; 03/08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

(9) Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ở đô thị 90%; ở nông thôn 60%. Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị trên 85%. Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở nông thôn 100%.

(10) Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 700 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

(11) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 5.027,8 tỷ đồng.

(12) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 49 tỷ đồng.

2.2. Về xã hội

(13) Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp: Nhà trẻ 20%, mẫu giáo 95%; cấp tiểu học đạt 99,5%; Trung học cơ sở đạt 98,5%; Trung học phổ thông đạt 75%.

(14) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 94,87% (37/39 trường).

(15) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,85%. Giảm tỷ suất sinh là 0,04‰. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 7%.

(16) Tỷ lệ xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%; đạt 8,10 bác sỹ/10.000 dân; đạt 27,02 giường bệnh/10.000 dân (tính Trạm y tế xã, thị trấn).

(17) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%.

(18) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 99% (trong đó: tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình 90%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc 99,4%).

(19) Giải quyết việc làm mới đến năm 2025 là 10.500 người (trong đó, lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài 100 người).

(20) Dạy nghề (kể cả tư nhân) hàng năm là 2.000 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%.

(21) Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2 - 3%/năm (trong đó: tỷ lệ hộ nghèo Khmer giảm từ 4 - 5%/năm).

2.3. Về môi trường

(22) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt chỉ tiêu về môi trường là 100%.

(23) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 100%;

(24) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 75%.

(25) Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Về định hướng chỉ đạo, điều hành, trên cơ sở cụ thể hóa các cơ chế, chính sách để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện, cụ thể hóa 4 nhiệm vụ trọng tâm và 2 đột phá của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII (2020 - 2025), tập trung chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2025. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển sản xuất, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao vai trò, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức bộ máy nhà nước; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và các hoạt động văn hóa - xã hội. Đảm bảo ổn định chính trị cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu và phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững

Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững. Tăng cường liên kết sản xuất, sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng. Đây nhanh giai đoạn tiếp theo của Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; gắn với thực hiện Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030, trọng tâm là chỉ đạo và tổ chức sản xuất theo 03 vùng¹.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng của huyện, trọng tâm là tổ chức lại sản xuất, cơ cấu lại mùa vụ, bố trí lại cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; ứng dụng các công

¹ Vùng gò cao gần 5.300 ha (Lâm Kiệt và phía nam xã Tuấn Túc, Lâm Tân) - tập trung sản xuất lúa đặc sản, lúa cao sản, phát triển lúa - màu, chuyên màu và chăn nuôi;

Vùng cao trung bình trên 8.000 ha (thị trấn Phú Lộc, Hưng Lợi, xã Châu Hưng và phía nam xã Thạnh Trị) - sản xuất lúa đặc sản, cơ cấu lúa tài nguyên mùa là chủ lực, thực hiện mô hình lúa - màu, chuyên màu, phát triển chăn nuôi trang trại;

Vùng trũng thấp hơn 8.550 ha (xã Thạnh Tân, phần lớn xã Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành, phía bắc xã Thạnh Trị, Tuấn Túc, Lâm Tân) - tập trung sản xuất lúa cao sản là chính, gắn với lúa đặc sản, lúa - thủy sản kết hợp, màu dưới chân ruộng và chăn nuôi.

nghe mới; chuyển đổi diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang các hình thức sản xuất hiệu quả, có giá trị kinh tế cao, theo hướng phát triển bền vững. Phấn đấu đến 2025 đạt theo cơ cấu: tỷ trọng trồng trọt 52%, chăn nuôi 30%, thủy sản 7%, nông nghiệp khác 11% (gồm cả dịch vụ nông nghiệp). Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3.868 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020). Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 220 triệu đồng. Diện tích lúa hàng năm là 54.932 ha; sản lượng lúa bình quân đạt 380.898 tấn/năm (trong đó, lúa đặc sản chiếm 82%). Nâng sản lượng thủy sản đạt mức 16.000 tấn. Thực hiện tốt chương trình, dự án phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị, phát triển các sản phẩm OCOP, mỗi xã, thị trấn có từ 1 - 2 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 2 - 3 sao.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở các vùng chuyên canh lúa đặc sản và đối với những mặt hàng bao tiêu sản phẩm. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, có sức cạnh tranh tốt; tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, giá trị kinh tế cao, an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường. Chú trọng nhân rộng các mô hình liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp nhằm tổ chức sản xuất theo chuỗi và gia tăng giá trị sản phẩm, ưu tiên chuỗi giá trị lúa - gạo đặc sản (gạo tài nguyên,...), chuỗi giá trị chăn nuôi trâu, bò thịt, chuỗi giá trị rau - màu, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo chuẩn VietGAP, có tính bền vững. Phát triển các cánh đồng lớn, các vùng chuyên canh lúa đặc sản, cao sản, màu an toàn, vùng chuyên canh màu kết hợp chăn nuôi gia súc, thủy sản nước ngọt. Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn các hợp tác xã, trang trại.

Chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó và phòng, chống hạn, mặn, nhằm giảm thiểu thiệt hại, ổn định sản xuất, thu nhập và đời sống của nhân dân; sắp xếp, điều chỉnh tổ chức sản xuất phù hợp với quy hoạch, lịch thời vụ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất và triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, đảm bảo an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và nâng cao chất lượng con giống; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh.

2. Thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ

Chú trọng việc quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển theo hướng liên kết địa phương, bám sát 02 trục quốc lộ (Quốc lộ 1A, Quốc lộ 61B) và Dự án tuyến Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây tỉnh Sóc Trăng. Tiếp tục xúc tiến hình thành cụm công nghiệp huyện trong giai đoạn từ năm 2021 - 2023. Tiếp tục chỉ đạo củng cố, nâng chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Quan tâm xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; tăng cường công tác mời gọi đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, may mặc và dịch vụ nông thôn; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các cơ sở sản xuất, kinh

doanh tiếp cận vốn đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa và năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Phấn đấu đến năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 700 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

Đẩy mạnh phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ gắn với tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quản lý thị trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chống hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng.... Tăng cường mời gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển dịch vụ thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, xây mới một số chợ trên địa bàn; đổi mới phương thức đầu tư, khai thác và quản lý chợ. Quản lý tốt hoạt động bến bãi, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của nhân dân. Tích cực hưởng ứng và thực hiện tốt Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

3. Tạo chuyển biến tích cực, đột phá trong phát triển kinh tế tập thể

Phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh có đủ điều kiện phát triển thành doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư vào địa bàn huyện và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về môi trường đầu tư kinh doanh. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, tạo sự liên kết trong sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp thăm dò thị trường, quảng bá sản phẩm, thương hiệu thông qua tham gia các triển lãm, hội chợ và tổ chức họp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, nhằm kịp thời cung cấp thông tin về thị trường và các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

Tiếp tục nâng cao vai trò, chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực kinh tế tập thể; kịp thời giải thể các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ hợp tác, hợp tác xã, hình thành chuỗi giá trị, tạo sự liên kết để tác động, hỗ trợ giải quyết những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo các loại hình kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, đúng theo quy định. Tăng cường công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư gắn với thực hiện tốt các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích và thu hút các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn lực đầu tư tại chỗ. Thường xuyên vận động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vốn đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất và mở rộng ngành nghề để tăng sản lượng, chất lượng hàng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động. Phấn đấu thành lập mới 5 Hợp tác xã, lũy kế cuối nhiệm kỳ có 22 Hợp tác xã.

4. Quản lý ngân sách hiệu quả; tăng trưởng tín dụng bền vững

Thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu mới; tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu ngân sách; tập trung rà soát nắm chắc các nguồn thu và đối tượng nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn, phấn đấu thu ở các lĩnh vực, ngành nghề để bù các phần giảm thu do chính sách miễn giảm, giãn nộp thuế theo quy định. Biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt

nghĩa vụ nộp thuế; xử lý nghiêm các trường hợp khai man trốn thuế, chậm nộp thuế hoặc cố tình không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Phấn đấu đến 2025 thu ngân sách phân cấp trên địa bàn đạt 49 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng thu ngân sách trên 8% trong giai đoạn 2021 - 2025. Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả ngân sách nhà nước; tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách chặt chẽ trong phạm vi dự toán; tiếp tục tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

Định hướng phát triển tín dụng gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Quan tâm tạo điều kiện giúp các phòng giao dịch, chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoạt động ổn định trên địa bàn; đồng thời định hướng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm chất lượng tín dụng, an toàn hệ thống, thúc đẩy tăng trưởng dư nợ cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý tốt các nguồn vốn ủy thác. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ lãi suất theo chủ trương của Chính phủ gắn với huy động tốt vốn nhân rồi trong nhân dân, nhằm tăng tỷ lệ dư nợ tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

Huy động mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng chủ động nguồn vốn ngân sách và tranh thủ đầu tư của tỉnh để phân kỳ đầu tư; đồng thời phát huy phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm theo hướng nhà nước đầu tư vốn, nhân dân góp vốn hoặc hình thức tương ứng giá trị đầu tư khác; thực hiện khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng nông thôn; nâng cao ý thức, kỹ năng giám sát chất lượng các dự án phát triển kết cấu hạ tầng của người dân, góp phần nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Phấn đấu tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 1.500 ngàn tỷ đồng.

Chú trọng công tác quy hoạch đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, trọng tâm là đầu tư, nâng cấp mở rộng hạ tầng đô thị (công viên, cây xanh, hệ thống thoát nước...), phấn đấu thị trấn Phú Lộc đạt đô thị loại IV và thị trấn Hưng Lợi hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, hướng đến các tiêu chí loại IV. Thực hiện đầu tư và tranh thủ đầu tư các Dự án Đường ô tô 65, Đường ô tô 67, Đường Nguyễn Huệ (Phú Lộc); đề xuất đầu tư Tuyến tránh thị trấn Phú Lộc (Quốc lộ 1A tiếp giáp Quốc lộ 61B) hoặc nâng cấp đoạn Quốc lộ 1A đi qua huyện nhằm phát huy vai trò cửa ngõ thông thương phía Tây (về Bạc Liêu) của tỉnh. Tiếp tục quan tâm đầu tư hệ thống các tuyến giao thông kết nối với các địa phương giáp ranh thuộc tỉnh Bạc Liêu, các huyện Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, thành phố Sóc Trăng; đồng thời hoàn thiện các tuyến huyện lộ, lộ nông thôn trên địa bàn; đầu tư hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng Trường Trung học cơ sở dân tộc nội trú và nâng cấp, mở rộng quy mô một số trường học trên địa bàn huyện; triển khai Dự án Công viên trung tâm huyện gắn với chỉnh trang đô thị thị trấn Phú Lộc và đầu tư 05 trụ sở Đảng ủy - UBND cấp xã.

Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và nâng cao ý thức người dân trong bảo quản, sử dụng các công trình giao thông, thủy lợi theo phân cấp quản lý. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác giải tỏa, đền bù, bàn giao mặt bằng để triển khai thi công các công trình xây dựng cơ bản. Tạo điều kiện thuận lợi cho giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện tốt chức năng giám sát trên lĩnh vực xây dựng cơ bản nhằm phòng, chống tiêu cực, lãng phí và đảm bảo chất lượng công trình.

Tăng cường chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền gắn với đẩy mạnh công tác triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết các cấp về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sâu rộng trong nội bộ và nhân dân; tiếp tục phát huy tốt vai trò của Ban chỉ đạo các cấp; chủ động xây dựng kế hoạch phân công từng ngành phụ trách từng tiêu chí nông thôn mới; chú ý kết hợp linh hoạt các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình lồng ghép để xây dựng hạ tầng nông thôn mới. Thường xuyên khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng nông thôn mới gắn với phát huy tối đa nội lực trong nhân dân thực hiện các tiêu chí xây dựng hộ văn hóa nông thôn mới, ấp văn hóa nông thôn mới, xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao, góp phần thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2024; công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025; phấn đấu 03/08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

6. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái; sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất và bảo vệ nguồn nước ngầm; phát huy tốt vai trò của chính quyền địa phương và nhân dân trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; kịp thời xử lý tình trạng lấn chiếm đất công, việc sử dụng đất không đúng theo quy hoạch và khai thác, khai thác nước ngầm trái phép. Hoàn thành công tác lập quy hoạch và công bố quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Tăng cường công tác kiểm kê, thống kê đất đai theo định kỳ, thực hiện tốt quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, bảo đảm các quy hoạch, kế hoạch, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ môi trường ở những khu tập trung đông dân cư trong sản xuất, kinh doanh, hạn chế ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, phát triển bền vững hệ sinh thái. Phấn đấu tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sạch trên 85%; tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh là 100%.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; tạo điều kiện tốt cho hoạt động thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn phát huy hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức chung của cộng đồng trong công tác phòng tránh thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Thường xuyên kiểm tra và kịp thời gia cố thủy lợi, phòng, chống ngập úng, hạn mặn, bảo vệ sản xuất.

7. Phát triển văn hóa, thể thao, truyền thanh, hoạt động du lịch; giải quyết tốt các vấn đề xã hội và tiếp tục nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân

Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và truyền thanh phục vụ nhu cầu phát triển đời sống tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quan tâm xây dựng các thiết chế văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các di tích lịch sử cách mạng; nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phấn đấu xây dựng thêm 06 xã văn hóa, nông thôn mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thông tin; tăng cường thanh tra, kiểm tra, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm trên lĩnh vực hoạt động văn hóa.

Quán triệt và tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 02/8/2016 của Tỉnh ủy cùng các chương trình, kế hoạch hành động của huyện. Khai thác, phát triển tiềm năng du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, gắn kết các địa danh du lịch thị xã Ngã Năm, thành phố Bạc Liêu, thành phố Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên (chủ yếu theo trục Quốc lộ 1A và 61B).

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa tiến tới thực hiện trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình, phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ lệ 94,87% (37/39 trường). Phấn đấu hàng năm, tỷ lệ huy động học sinh đến lớp đạt chỉ tiêu tỉnh giao. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; thúc đẩy xây dựng xã hội học tập. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ nhà giáo, đặc biệt là cán bộ quản lý giáo dục. Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác công tác dạy - học và quản lý giáo dục; tích cực đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo trường và cụm trường trong huyện.

Về xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực trong nhân dân. Nâng cao chất lượng hoạt động và đào tạo nghề nghiệp của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, góp phần thực hiện tốt chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Chủ yếu tập trung đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề theo hướng chú trọng thực hành và thực hiện tại nơi sản xuất; chú trọng đào tạo nghề trong ngành nông nghiệp, lao động trong hợp tác xã... đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng nông thôn mới. Tăng tính liên kết với cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp trong

đào tạo, dạy nghề nhằm đáp ứng chất lượng nguồn lao động và khả năng đảm bảo có việc làm sau học nghề.

Đảm bảo chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao y đức cho y, bác sĩ; tiếp tục thu hút nguồn nhân lực trẻ, tăng cường bác sĩ về cơ sở; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là trong năm đầu nhiệm kỳ còn tiếp tục chủ động phòng, chống dịch Covid-19. Nâng cao chất lượng dân số, đồng thời đảm bảo tỷ lệ tăng tự nhiên không quá 1%. Thường xuyên tuyên truyền thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

Giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần người có công và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo, cận nghèo (nếu có), các đối tượng bảo trợ xã hội; đảm bảo các chính sách an sinh xã hội thực hiện công khai, dân chủ, công bằng, không để xảy ra tiêu cực.

Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo. Đồng thời, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tổ chức tốt hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm, phát triển sản xuất; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động đầu tư vào địa bàn; đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động vào làm việc tại các nhà máy, đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Phấn đấu trong 5 năm (2021 - 2025), đào tạo nghề cho 10.000 người; giải quyết việc làm mới cho 10.500 lao động, có 100 lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài.

Vận dụng tốt các chính sách liên quan và tạo điều kiện đầu tư, hỗ trợ các đề án, dự án, mô hình giảm nghèo có tính bền vững; tranh thủ cấp ủy các cấp trong huyện tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình phân công đảng viên theo dõi, hướng dẫn hộ nghèo; nâng cao chất lượng hoạt động tổ tiết kiệm vay vốn giúp người lao động có khả năng sử dụng vốn có hiệu quả; huy động mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách, vận động, hướng dẫn nhân dân sử dụng hiệu quả các nguồn lực để chủ động phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững. Hàng năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2 - 3%/năm (trong tổng số hộ nghèo của huyện); trong đó, tỷ lệ hộ nghèo Khmer giảm từ 4 - 5%/năm.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Chủ động tham gia thực hiện bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (gọi tắt theo tên gọi tiếng Anh là DDCI). Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện; xúc tiến việc thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức chung về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác cải cách thủ tục hành chính. Tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tham gia giám sát hoạt động cải cách thủ tục hành chính. Tổ chức thực hiện

nghiêm túc việc niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời bộ thủ tục hành chính. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tại cấp huyện và một cửa xã, thị trấn.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII); rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập, các trường học; rà soát, sắp xếp bố trí đội ngũ công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm; thực hiện việc tinh giản biên chế theo đúng lộ trình, đảm bảo số lượng; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; công chức, viên chức đảm bảo sự thân thiện và trách nhiệm trong thực hiện công vụ, tiếp công dân... Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo phân cấp quản lý; chỉ đạo sắp xếp, tổ chức lại hệ thống mạng lưới các trường học trên địa bàn.

Quan tâm công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong bộ máy chính quyền; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ là nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, có năng lực, có tinh thần cầu tiến bộ cao. Tăng cường kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính gắn với kiểm tra công vụ tại các phòng ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; thực hiện đúng, kịp thời các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức khi nghỉ việc, nghỉ dôi dư. Nâng cao chất lượng công tác sử dụng, đánh giá chất lượng công chức, viên chức, nhằm phát huy hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Gắn sử dụng, đánh giá công chức, viên chức với đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng môi trường làm việc có tính chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện, tạo cơ hội cho người có năng lực được phát huy khả năng tư duy, sáng tạo trong đề xuất sáng kiến kinh nghiệm; từng bước thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ.

Về tài chính công, tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện tốt và đảm bảo nguyên tắc thu - chi tài chính để phát huy hiệu quả nguồn vốn, bám sát chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục kiện toàn chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hành chính đối với các cơ quan nhà nước; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện. Xây dựng kế hoạch thanh tra thực hiện công tác tài chính theo quy định của pháp luật đối với các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Về hiện đại hóa hành chính, đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính trên cơ sở kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Triển khai các văn bản, quy định về đảm bảo an toàn thông tin theo quy định. Tăng cường việc đầu tư các hạ tầng, đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức về quản trị mạng cơ bản cho cán bộ công chức, viên chức thực hiện việc đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

9. Đảm bảo giữ vững và ổn định Quốc phòng- An ninh

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng tiềm lực quốc phòng trong khu vực phòng thủ huyện vững chắc; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng, quân sự địa phương. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang huyện vững mạnh; làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; nâng cao chất lượng diễn tập, luyện tập; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Hoàn thành công tác huấn luyện, xây dựng biên chế lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm, đạt chỉ tiêu trên giao.

Triển khai có hiệu quả việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng giữa công an, quân sự. Thường xuyên phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; gắn với công tác tấn công trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Tăng cường công tác quản lý hành chính về nhân hộ khẩu. Tiếp tục kiểm chế, kéo giảm số vụ tai nạn giao thông. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hòa bình; hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Phấn đấu trong giai đoạn 2021- 2025, hàng năm có 100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

Thực hiện tốt chính sách tôn giáo - dân tộc; quan tâm giải quyết kịp thời các vấn đề nhạy cảm liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, không để xảy ra điểm nóng. Lãnh đạo chặt chẽ công tác nội chính, phòng - chống tham nhũng, cải cách tư pháp. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, công tác thi hành án dân sự. Quan tâm thực hiện tốt công tác đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, công tác hòa giải ở cơ sở; xem xét giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, yêu cầu, kiến nghị, phản ánh của nhân dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, thường xuyên sâu sát cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát, nhắc nhở việc thực hiện nhiệm vụ.

2. Các ban, phòng, ngành cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, đề án, dự án cụ thể hóa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao để tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch. Đảm bảo công tác thông tin, báo cáo theo quy định để kịp thời nắm bắt, xử lý những vấn đề bức xúc, phát sinh trong thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phối hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật, vận động, tập hợp quần chúng tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; giám sát và phản biện xã hội; đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thạnh Trị./.

PHỤ LỤC

BIỂU CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 HUYỆN THANH TRỊ

(Kèm theo Tờ trình số 61/TTTr-UBND, ngày 7/12/2020 của UBND huyện Thanh Trị)



STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2016- 2020	TH 2020	2021	2022	2023	2024	2025	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021 - 2025	Ghi chú
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GRDP) bình quân đầu người	Triệu đồng/ người	54	54	57	61	65	70	75	75	chỉ tiêu chủ yếu bội đên
I	NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN										
2	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (giá hiện hành)	Triệu/ha	150	150	165	175	189	205	220	220	
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2020)	Tỷ đồng	3.248	3.037	3.193	3.359	3.569	3.795	3.868	3.868	
4	Cây lúa										
4.1	<i>Lúa cả năm</i>										
	+ Diện tích	Ha	55.175	55.314	54.932	54.932	54.932	54.932	54.932		
	TĐ: lúa đặc sản	Ha	44.000	44.000	44.643	44.643	44.643	44.643	45.044		
	+ Năng suất	Tấn/ha	6,8	6,8	6,86	6,90	6,94	6,97	7,00		
	+ Tổng sản lượng	Tấn	375.190	375.190	376.834	379.031	381.228	382.876	384.524	380.898	82%
	TĐ: lúa đặc sản	Tấn	299.200	299.200	306.253	306.253	306.253	306.253	315.308		
4.2	<i>Lúa thu đông</i>										
	+ Diện tích	Ha	8.743	8.743	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500		
	TĐ: lúa đặc sản	Ha	6.000	6.000	6.643	6.643	6.643	6.643	7.044		

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2016- 2020	TH 2020	2021	2022	2023	2024	2025	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021 - 2025	Ghi chú	
4.3	+ Năng suất	Tấn/ha	7,15	7	7,20	7,25	7,32	7,37	7,40			
	+ Sản lượng	Tấn	62.512	62.512	61.200	61.625	62.220	62.645	62.900			
	TĐ: lúa đặc sản	Tấn	42.900	42.900	47.830	48.162	48.627	48.959	52.126			
	<i>Lúa đông xuân</i>											
	+ Diện tích	Ha	22.966	22.966	22.966	22.966	22.966	22.966	22.966	22.966		
	TĐ: lúa đặc sản	Ha	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000		
	+ Năng suất	Tấn/ha	7,30	7,30	7,35	7,4	7,45	7,47	7,5			
	+ Sản lượng	Tấn	167.652	167.652	168.800	169.948	171.097	171.556	172.245			
	TĐ: lúa đặc sản	Tấn	146.000	146.000	147.000	148.000	149.000	149.400	150.000			
	4.4	<i>Lúa hè thu</i>										
+ Diện tích		Ha	23.466	23.466	23.466	23.466	23.466	23.466	23.466	23.466		
TĐ: lúa đặc sản		Ha	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000			
+ Năng suất		Tấn/ha	6,21	6,21	6,25	6,3	6,3	6,33	6,4			
+ Sản lượng		Tấn	145.724	145.724	146.663	147.132	147.836	148.540	149.478			
TĐ: lúa đặc sản		Tấn	111.780	111.780	112.500	112.860	113.400	113.940	114.660			
5	Màu và cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	10.800	10.800	11.640	12.480	13.320	14.160	15.000			
	- Năng suất	Tấn/ha	16	16	16	16	16	16	16			
	- Sản lượng	Tấn	172.800	172.800	186.240	199.680	213.120	226.560	240.000			
6	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản											
6.1	Tổng đàn gia súc			51.274	64.400	72.562	81.724	90.886	102.064			
5.1	Đàn heo	Con	46.790	39.330	51.000	57.000	64.000	71.000	80.000			

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2016- 2020	TH 2020	2021	2022	2023	2024	2025	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021 - 2025	Ghi chú
5.2	Đàn trâu, bò	"	11.800	11.944	13.400	15.562	17.724	19.886	22.064		
6.2	Tổng đàn gia cầm	Con	1.300.000	1.351.000	1.500.000	2.000.000	2.500.000	3.100.000	4.000.000		
6.3	Sản lượng thủy sản	Tấn		12.686	13.000	14.000	15.000	15.500	16.000		
7	Hợp tác xã (lũy kế)	HTX	17	17	18	19	20	21	22	22	
	Thành lập mới	HTX			1	1	1	1	1	5	
8	Xã đạt 19 tiêu chí NTM	Đạt	3 (Lũy kế 5/8 xã)	3 (Lũy kế 5/8 xã)	(Lũy kế 5/8 xã)	1 (Lũy kế 6/8 xã)	1 (Lũy kế 7/8 xã)	1 (Lũy kế 8/8 xã)	Huyện đạt chuẩn NTM	3 (Lũy kế 8/8 xã)	
	- Xã đạt tiêu chí NTM nâng cao	Đạt				1 (Lũy kế 01/8 xã)	1 (Lũy kế 02/8 xã)	1 (Lũy kế 03/8 xã)		3 (Lũy kế 03/8 xã)	
	- Xã đạt từ 17 tiêu chí trở lên	Đạt			2						
9	Dân số được cung cấp nước sạch										
9.1	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%									
	- Đô thị	%			90,00						
	- Nông thôn	%			60,00						
9.2	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100		
	- Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị				55	60	65	70	85		
II	CÔNG NGHIỆP										
10	GTSX công nghiệp (giá so sánh năm 2020)	Tỷ đồng	680	550	577,50	606,40	636,70	668,50	701,90	700	
11	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội	Tỷ đồng	4.200	4.200	4.353,51	4.512,64	4.677,58	4.848,56	5.027,80	5.027,80	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2016- 2020	TH 2020	2021	2022	2023	2024	2025	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021 - 2025	Ghi chú
III	TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH										
12	Tổng thu ngân sách nhà nước	Triệu đồng	145.000	35.000	31.050	38.000	41.000	45.000	49.000	204.050	
	Trong đó: thu cân đối	Triệu đồng									
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI										
13	Giáo dục										
13.1	Học sinh đầu năm	Học sinh	99.798	19.531	20.536	19.390	19.290	19.400	19.410	98.026	
	- Mầm non	Học sinh	19.198	3.221	3.887	3.300	3.300	3.410	3.420	17.317	
	+ Nhà trẻ	Học sinh	1.044	205	315	200	200	210	220	1.145	
	+ Mẫu giáo	Học sinh	18.154	3.016	3.572	3.100	3.100	3.200	3.200	16.172	
	- Tiểu học	Học sinh	43.053	8.764	8.814	8.600	8.500	8.500	8.500	42.914	
	- Trung học cơ sở	Học sinh	26.537	5.261	5.452	5.200	5.200	5.200	5.200	26.252	
	- Phổ thông trung học	Học sinh	11.010	2.285	2.383	2.290	2.290	2.290	2.290	11.543	
13.2	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học										
	- Mầm non										
	+ Nhà trẻ	%	15,0	15,00	15	18,0	20,0	20,0	20,0	20,0	
	+ Mẫu giáo	%	89,0	83,77	91	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0	
	- Tiểu học	%	99,5	95,50	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	
	- Trung học cơ sở	%	97,0	97,00	98	98,5	98,5	98,5	98,5	98,5	
	- Phổ thông trung học	%	68,0	70,00	70	75,0	75,0	75,0	75,0	75,0	
13.3	Giáo dục không chính quy										
	+ Phổ cập giáo dục tiểu học	Người	50	46	50	50	50	50	50	50	

